

Số: 77 /2025/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 10 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quyết định mức phụ cấp, trợ cấp ngày công lao động
đối với lực lượng dân quân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ số 43/2019/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng số 98/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 16/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 220/2025/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của một số nghị định trong lĩnh vực quốc phòng, quân sự khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp;

Xét Tờ trình số 3613/TTr-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phụ cấp, trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Báo cáo thẩm tra số 237/BC-BPC ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức phụ cấp, trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức phụ cấp hằng tháng đối với thôn, khu đội trưởng; mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Thôn, khu đội trưởng;

b) Dân quân: Thường trực, tại chỗ, cơ động, phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế;

c) Các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Mức phụ cấp, trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

1. Mức phụ cấp hằng tháng đối với thôn, khu đội trưởng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này bằng 1.638.000 đồng/người/tháng (tương đương 0,7 lần mức lương cơ sở).

2. Mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này bằng 398.000 đồng/người/ngày (tương đương 0,17 lần mức lương cơ sở).

Trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền; thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố, giải thoát con tin, trấn áp tội phạm, giải tán biểu tình, bạo loạn; phòng chống dịch bệnh nguy hiểm ở khu vực nguy cơ lây nhiễm cao; cứu sập, cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy, khắc phục sự cố thảm họa ở khu vực nguy hiểm đến tính mạng theo quyết định của Chỉ huy trưởng cơ quan quân sự địa phương theo quy định, mức trợ cấp tăng thêm bằng 50% mức trợ cấp ngày công lao động hiện hưởng.

3. Trong trường hợp Chính phủ điều chỉnh mức lương cơ sở thì mức phụ cấp, trợ cấp được điều chỉnh tương ứng.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 10 năm 2025.

2. Nghị quyết số 315/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức phụ cấp, trợ cấp ngày công lao động đối với lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực, các ban, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, Kỳ họp thứ 32 thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2025.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Các bộ: Quốc phòng, Nội vụ, Tư pháp, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ5.

CHỦ TỊCH

Trịnh Thị Minh Thanh